

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HC-ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2018
V/v “*Khởi kiện quyết định hành
chính của UBND huyện B*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Đức Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quyết Tiến

Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-HC ngày 02/3/2017 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính của UBND huyện B*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-HC ngày 20/10/2017 và Thông báo số 20/TB-TA ngày 04/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Quang V (tên gọi khác Nguyễn Tấn V) và bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang V: Bà Nguyễn Thị H (theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 8 năm 2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trương Quốc H – Luật sư của Văn phòng luật sư I thuộc đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Quận H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Người bị kiện:* UBND huyện B, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung H – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T – Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần

Lệnh T, đơn vị công tác: Phòng TN&MT huyện B, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND thị trấn V. Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn T – Chức vụ: Chủ tịch. Có mặt.

- Ông Vũ Mạnh Q. Địa chỉ: thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2016; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 19/01/2017 và ngày 23/02/2017; bản tự khai các ngày 12 và 29/5/2017 của bà Nguyễn Thị H và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 1966 gia đình bà lên khai hoang tại xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang đến ngày 25/8/1976 gia đình bà có nhận chuyển nhượng lô đất ven đường Quốc lộ 2 và 01 nương sắn (phía trên đường) từ ông Hoàng Văn L (đã chết) trú tại xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang không có văn bản chuyển nhượng (mua bán) gì chỉ nói bằng miệng có giá trị khoảng 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) loại đất ở và đất vườn với diện tích khoảng 6.700m², vị trí thửa đất ở lô 20 khoảnh 52, phía đông giáp đường, phía tây giáp động, phía nam giáp đất bà Nguyễn Thị T, phía bắc giáp đường đá vôi (nay là thửa đất số 1, tờ bản đồ số 1). Ngày 08/10/1982 Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Q cấp Sổ lâm bạ số 352 với diện tích 0,6 ha (6.000m²) cho gia đình bà có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông L và một phần do gia đình tự khai phá. Năm 1989 có Đoàn kiểm tra đất đai liên ngành, kiểm tra các trường hợp vi phạm đất đai trên địa bàn thị trấn V, huyện B và đến xử lý khu đất gia đình bà với diện tích 1.029m² bằm đường 49m sâu 21m, ngoài ra xử lý đất thừa là 2.393m² của gia đình bà. Sau đó UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 thu hồi diện tích 1.029m² của gia đình bà. Không đồng ý với quyết định nêu trên, ngày 30/9/2012 bà H có đơn khiếu nại đến UBND huyện B. Ngày 30/5/2016 UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1382/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà. Tất cả nội dung của Quyết định không công nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà mà là thửa đất do nhà nước đang quản lý, sử dụng. Bà cho rằng Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 là trái với quy định của pháp luật.

Do vậy, ngày 16/12/2016 bà Nguyễn Thị H khởi kiện UBND huyện B để đòi lại quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà.

Bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án nhân dân (Sau đây viết tắt là TAND) tỉnh Hà Giang xem xét, giải quyết:

- Tuyên hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B;

- Tuyên hủy Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm.

Người bị kiện là UBND huyện B, tỉnh Hà Giang trình bày tại văn bản số 752/UBND-TTr ngày 12/4/2017 và Văn bản số 1545/UBND-TTr ngày 28/6/2017 với nội dung: Nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị H phát sinh từ năm 2002, Bà H đã làm đơn gửi nhiều cấp, nhiều ngành đề nghị giải quyết. Vụ việc khiếu nại này cũng đã được giải quyết nhưng chưa dứt điểm. Ngày 30/9/2012, bà Nguyễn Thị H tiếp tục có đơn khiếu nại đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Qua xác minh, nội dung khiếu nại là bà Nguyễn Thị H không đồng ý với quyết định thu hồi đất của UBND huyện B, vì bà cho rằng thu hồi đất của bà, giao gia đình bà Nguyễn Thị T và 22 hộ gia đình khác là sai. Bà đề nghị nhà nước trả lại đất cho gia đình nhà bà, theo quy định của pháp luật. Thực hiện Thông báo Kết luận số 108/TB-UBND ngày 19/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của công dân huyện B, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4443/QĐ-UBND ngày 01/7/2014 của Chủ tịch UBND huyện B về việc thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, trú tại tổ 11 thị trấn V, huyện B. Trên cơ sở kết quả xác minh, tài liệu thu thập được từ các cơ quan, đơn vị có liên quan, giấy tờ bà Nguyễn Thị H cung cấp và Báo cáo của Đoàn xác minh, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, trú tại tổ 11 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Về nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 về việc thu hồi đất; Quyết định giải quyết khiếu nại số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B. UBND huyện B không nhất trí với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B vì các lý do, thứ nhất bà Nguyễn Thị H không có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tại Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989. Vì: Theo quy định của Luật đất đai, hộ gia đình, cá nhân phải có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 (*Điều 50 Luật đất đai năm 2003*); Theo hồ sơ địa chính vị trí khu đất thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, bản đồ giải thửa thị trấn V đo đạc năm 1988-1989 và thành lập năm 1990 với diện tích 1.900m², không thể hiện loại đất, chủ sử dụng đất. Trước năm 1982, toàn bộ khu đất ở các vị trí nêu trên là do Nhà nước quản lý, chưa giao (*nếu của gia đình bà H, thì hồ sơ địa chính phải thể hiện tên bà H*). Thứ hai, Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm, đây là Quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai đối với bà H, chứ không phải quyết định thu hồi đất của bà H đang sử dụng ổn định. Cụ thể: Trước khi ban hành quyết định thu hồi, UBND huyện B đã thành lập Đoàn kiểm tra đất đai liên ngành, kiểm tra các trường hợp vi phạm đất đai trên địa bàn thị trấn V. Đối với hộ bà Nguyễn Thị H, ngày 15/11/1989 Đoàn kiểm tra

đã lập “*Biên bản giải quyết đất đai*”, theo biên bản Đoàn đã “*xử lý Thu hồi 1.029m² (kích thước 49m x 21m), bám đường 49m, sâu 21m*”. Từ năm 1989 đến nay, bà Nguyễn Thị H bị UBND thị trấn V nhiều lần lập biên bản vi phạm hành chính vì vi phạm pháp luật về đất đai (*sử dụng, lấn chiếm đất của Nhà nước quản lý*). Thứ ba, về việc giao đất cho các hộ khác: UBND huyện có thẩm quyền giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, đối với diện tích đất giao cho các hộ theo biên bản giao đất thuộc quỹ đất UBND huyện quản lý. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay các thửa đất vẫn nguyên trạng, các hộ được giao đất theo biên bản giao đất vẫn chưa được sử dụng đất. Nguyên nhân là do bà Nguyễn Thị H ngăn cản. UBND huyện B chưa ban hành quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là Giấy CNQSD đất) cho các hộ như theo biên bản giao đất đã lập.

Đối với nội dung khởi kiện liên quan đến diện tích 6.000m² đất theo đơn của bà Nguyễn Thị H. Phần diện tích đất 6.000m², theo đề nghị của bà H là diện tích đất hoàn toàn không liên quan đến nội dung Quyết định số 90 của UBND huyện B. Tuy nhiên nó có vị trí tiếp giáp với vị trí đất trong Quyết định số 90 (*tiếp giáp với đất đang có tranh chấp*), vì vậy đang trong quá trình giải quyết đơn của bà H, UBND thị trấn V chưa làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho bà H.

Như vậy, quá trình thực hiện thanh, kiểm tra và ban hành các quyết định để giải quyết khiếu nại trên của UBND huyện B là đúng quy định của pháp luật.

Việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện quyết định hành chính của UBND huyện B hoàn toàn không có cơ sở, không có căn cứ pháp luật. UBND huyện B ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 về việc thu hồi một phần đất của bà Nguyễn Thị H với diện tích 1.029m² (kích thước 49m x 21m) phía trên Quốc lộ 2 khu phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang và ban hành Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị TAND tỉnh Hà Giang xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (sau đây viết tắt là người CQLNVLQ) – UBND thị trấn V trình bày tại Văn bản số 44/BC-UBND ngày 13/6/2017 trình bày: UBND thị trấn đã phối hợp với các cơ quan chức năng cấp trên có thẩm quyền cùng tiến hành xem xét nguồn gốc đất của bà H và cùng giải quyết việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Sau đó UBND thị trấn yêu cầu bà H giữ nguyên hiện trạng thửa đất để tiến hành xác minh; trong thời gian đó gia đình bà H đã liên tục xây dựng các công trình trên thửa đất đang xem xét, giải quyết. Do bà H không đưa ra được giấy tờ gì để chứng minh quá trình sử dụng đất là hợp pháp. Tất cả các yêu cầu của bà H là không có căn cứ pháp luật. Do vậy, việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện Quyết định hành chính số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B hoàn toàn không có cơ sở, không có căn cứ pháp luật. Đề nghị TAND tỉnh Hà Giang xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Người CQLNVLQ – Ông Vũ Mạnh Q trình bày: Về nguồn gốc đất do gia đình ông tự khai phá từ năm 1977 và sử dụng ổn định đến năm 1986. Bắt đầu từ năm 1986 xảy ra tranh chấp với bà H nên gia đình ông vẫn chưa được cấp Giấy CNQSD đất. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2017, TAND tỉnh Hà Giang đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại giữa các đương sự. Kết quả đối thoại các bên không thống nhất được về việc giải quyết vụ án và giữ nguyên quan điểm của mình. Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 và hủy Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B. Người bị kiện và người CQLNVLQ không nhất trí với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký và những người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 và chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989. Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên UBND huyện B phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các quy định của pháp luật, HĐXX sơ thẩm xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 15/11/1989 UBND huyện B ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB về việc thu hồi diện tích 1.029m² đất gia đình bà Nguyễn Thị H. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Bà Nguyễn Thị H trình bày việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB bà không nhận được quyết định này, nên đến ngày 30/9/2012 bà có đơn khiếu nại cho rằng UBND huyện B ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 về việc thu hồi đất của gia đình bà và Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 về việc giải quyết khiếu nại là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà nên bà khởi kiện tại TAND tỉnh Hà Giang yêu cầu hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B; hủy Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B. TAND tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B về việc thu hồi một phần đất của bà Nguyễn Thị H.

Ngày 15/11/1989 UBND huyện B thành lập Đoàn kiểm tra đất đai, lập biên bản xử lý đối với phần diện tích đất của gia đình bà H đang sử dụng, cùng ngày Đoàn kiểm tra đã tham mưu cho UBND huyện B ban hành quyết định nêu trên với lý do bà H không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Theo bà H trình bày: Ngày 08/5/1982 hộ gia đình bà được cấp Sổ lâm bạ số 352 ngày 08/10/1982 do UBND xã Q, huyện B cấp thể hiện diện tích đất được cấp là 0.6 ha, có vị trí tiếp giáp: phía đông giáp đường, phía tây giáp đồng, phía nam giáp bà T, phía bắc giáp đường lò vôi. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Văn L và một phần do hộ gia đình bà H tự khai phá và sử dụng ổn định, liên tục cho đến khi có Quyết định thu hồi đất của UBND huyện B. Tại thời điểm thu hồi cơ quan có thẩm quyền chưa công bố quy hoạch, dự án, chưa thực hiện việc điều tra, khảo sát, kiểm đếm, lập bản đồ quy hoạch, chưa có quyết định phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có). Mặt khác, Quyết định thu hồi đất không thể hiện vị trí, lô, thửa đất. Diện tích khu đất này thu hồi, không có bản đồ hoặc trích lục thửa đất. Vì vậy nội dung của Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, UBND huyện B ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 về việc thu hồi một phần đất của bà Nguyễn Thị H 1.029m² (*kích thước: 49 x 21m phía trên đường Quốc lộ 2*) là trái quy định của pháp luật về hình thức văn bản khi nhà nước thu hồi đất.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B:

- Về thẩm quyền thu hồi đất: UBND huyện B ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 14 và Điều 15 Luật đất đai năm 1987;

- Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Ngày 15/11/1989 UBND huyện B thành lập Đoàn tổng kiểm tra đất đai và lập biên bản giải quyết đất đai (Bút lục số 105) có nội dung "*Chúng tôi xử lý thu hồi 1.029m² (49 x 21m) bám đường 49m sâu 21m*". Cùng ngày UBND huyện B ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB tại Điều 1 quyết định: "*Nay thu lại một phần đất của bà Nguyễn Thị H; chỗ ở khu phố T, thị trấn V. Diện tích thu hồi là 1.029m² (kích thước 49 x 21m) phía trên đường Quốc lộ 2*". Tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật đất đai quy định:

"1. Khi tiến hành thanh tra đất đai, Đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên có quyền:

- b) Tạm thời đình chỉ việc sử dụng phần đất sử dụng không đúng pháp luật và trong thời hạn không quá 5 ngày phải báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để quyết định chính thức."* Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định nêu trên thì Đoàn thanh tra có quyền tạm đình chỉ việc sử dụng phần đất không đúng pháp luật và trong thời hạn không quá 05 ngày phải báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi phần đất sử dụng trái pháp luật theo quy định tại Điều 14 Luật đất đai năm 1987.

Như vậy, biên bản giải quyết tranh chấp đất đai này 15/11/1989 của Đoàn thanh tra xử lý thu hồi diện tích đất 1.029m² của bà Nguyễn Thị H là không đúng thẩm quyền. Mặt khác cũng trong ngày UBND huyện B căn cứ vào biên bản giải quyết đất đai của Đoàn thanh tra để ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB là chưa đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì trước khi ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB, UBND huyện B chưa xác định diện tích đất của bà H đang sử dụng có nằm trong quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hay chưa; cơ quan chuyên môn chưa thực hiện theo việc điều tra, khảo sát, kiểm đếm, đo đạc (kèm sơ đồ tứ cận), lập bản đồ quy hoạch để xác định ranh giới, vị trí đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H được giao theo Sổ lâm bạ số 352 do UBND xã Q giao ngày 08/10/1982. Mặt khác không tiến hành việc lấy ý kiến của các hộ liên kề, không thông báo, niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã về quyết định thu hồi đất. HĐXX xét thấy việc thu hồi đất không có một trong các căn cứ pháp luật quy định tại Điều 14 Luật đất đai năm 1987, Điều này quy định: "*Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao sử dụng trong những trường hợp sau đây:*

- 1- Tổ chức sử dụng đất bị giải thể, chuyển đi nơi khác, hoặc bị thu hẹp mà giảm nhu cầu sản xuất;*
- 2- Tất cả số người trong hộ sử dụng đất đã chuyển đi nơi khác hoặc đã chết;*
- 3- Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được giao;*
- 4- Thời hạn sử dụng đất đã hết;*
- 5- Người sử dụng đất không sử dụng đất được giao trong 6 tháng liền mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất đó cho phép;*
- 6- Người sử dụng đất vi phạm nghiêm trọng những quy định về sử dụng đất;*
- 7- Đất giao không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 13 của Luật này;*
- 8- Cần sử dụng đất cho nhu cầu của Nhà nước hoặc của xã hội."*

Như vậy, UBND huyện B ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB là chưa đúng về trình tự, thủ tục và nội dung nên dẫn đến việc ban hành quyết định thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H là trái quy định của pháp luật. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều thừa nhận nội dung yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B là có cơ sở.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 90/QĐ-UB của UBND huyện B là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/5/2018 Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định số 1420/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Như vậy đối tượng khởi kiện

vụ án hành chính là Quyết định hành chính số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 đã được Chủ tịch UBND huyện B thu hồi và hủy bỏ nên HĐXX căn cứ điểm e khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Nguyễn Thị H.

Từ sự phân tích trên HĐXX xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B về việc thu hồi một phần đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng theo Phiếu thu số 01 ngày 14/12/2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang và chi phí đo đạc là 13.642.032 đồng theo Phiếu thu số PT069 ngày 15/12/2017 và Phiếu thu số PT00002 ngày 21/02/2018 tại VPĐKĐĐ– Sở TN&MT tỉnh Hà Giang. Tổng số tiền đã chi là 15.142.032 đồng. Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên UBND huyện B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc; bà Nguyễn Thị H không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, điểm e khoản 1 Điều 143, Điều 348, Điều 358 và Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 14 và Điều 15 Luật đất đai năm 1987; khoản 4 Điều 8 và Điều 14 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Quang V, bà Nguyễn Thị H. Tuyên hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 15/11/1989 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H.

Về án phí: UBND huyện B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng do ông Nguyễn Ngọc K nộp thay theo số biên lai BB/2012/02613 ngày 02 tháng 3 năm 2017 tại Cục THADS tỉnh Hà Giang;

Về chi phí tố tụng: UBND huyện B phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 13.642.032 đồng tiền chi phí đo đạc. Tổng cộng là 15.142.032 đồng (*Mười năm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm ba mươi hai đồng*) để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày (*Mười lăm ngày*) kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Trường